TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2019/DS-PT
Ngày: 26-11-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng. .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2019/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 310/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Mỹ D, sinh năm: 1991; cư trú tại: Số nhà 549, Quốc lộ H, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Mỹ D: Ông Phan Văn V, sinh năm 1957; cư trú tại: D40/3 ấp HT, xã HT, huyện H, tỉnh Tây Ninh (giấy ủy quyền ngày 04/11/2019); có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; cư trú tại: Số nhà 504, đường C, khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Mỹ D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D trình bày:

Ngày 26-9-2016 (âm lịch) chị có mở 01 dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 25 phần, 16 hụi viên, mãn ngày 30-8-2018 (âm lịch), bà N tham gia 06 phần hụi, đã hốt 05 phần, bà N có ký nhận tiền hụi, còn một phần hụi sống đóng được 19 lần, đến tháng 3-2018 thì ngưng đóng hụi, 05 phần hụi bà N đã hốt được tổng số tiền là 861.700.000 đồng, sau khi hốt hụi bà N đóng hụi chết, còn nợ như sau:

Từ tháng 11-2017 (âm lịch) đến tháng 3-2018 (âm lịch), bà N đóng hụi chết của 04 (bốn) phần hụi, còn một phần hụi chết bà N không đóng với tổng số tiền 40.000.000 đồng, từ tháng 3-2018 bà N ngưng không đóng hụi sống, hụi chết cho chị. Hụi mãn vào ngày 30-8-2018 (âm lịch), thời gian bà N ngưng không đóng hụi chị đã góp thay cho bà N như sau:

+ Hụi chết chưa đóng từ tháng 11-2017 đến tháng 3-2018: 04 lần x 10.000.000 đồng = 40.000.000 đồng

+ Hụi chết chưa đóng từ tháng 3-2018 đến tháng 8-2018: 06 lần x (5 phần x 10.000.000 đồng) = 300.000.000 đồng.

Tổng cộng là 340.000.000 đồng. Chị và bà N thống nhất cấn trừ một phần hụi sống bà N đóng được 19 lần tương ứng với số tiền đóng hụi chết là 190.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng còn số tiền 185.000.000 đồng. Như vậy bà N còn nợ chị số tiền 155.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị D thừa nhận khi mở hụi thì bà N tham gia 05 phần, chị H tham gia 01 phần nhưng do chị H là người giúp việc cho bà N, chị D không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở đâu nên hai bên thỏa thuận miệng bà N phải bảo lãnh cho chị H. Nay chị yêu cầu bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho chị số tiền hụi còn nợ 155.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 30-3-2018 (âm lịch) cho đến khi xét xử.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày :

Bà thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian tham gia góp hụi, ngày khui hụi và mãn hụi, thời gian đóng hụi và ngưng đóng hụi. Bà xác định chỉ tham gia 05 phần, 04 phần hụi chết và 01 phần hụi sống. Phần hụi sống bà đóng được 19 lần, tương ứng số tiền 190.000.000 đồng, trừ huê hồng 5.000.000 đồng, còn lại 185.000.000 đồng và bà đồng ý khấu trừ số tiền hụi sống vào số tiền hụi chết theo yêu cầu của nguyên đơn.

Chị D trình bày bà tham gia 6 phần hụi là không đúng. Bởi vì chị Lâm Thị H (người giúp việc của bà) tham gia trực tiếp với chị D 01 phần. Nhưng hiện nay chị H không còn làm cho bà, đi đâu và làm gì, địa chỉ ở đâu bà N không biết.

Khi hốt hụi chị D giao cho bà các biên nhận giao hụi bà ký tên, tổng cộng nhận tiền hụi 861.700.000 đồng là đúng. Trong đó biên nhận giao hụi số tiền

170.600.000 đồng, tên người hốt H (Dì N) bà ký nhận tiền là do chị H hốt hụi, nhưng khi giao tiền hụi chị H không có ở nhà nên bà nhận thay.

Bà xác định chỉ còn nợ chị D 04 phần hụi chết, cấn trừ 01 phần hụi sống còn nợ là 55.000.000 đồng .

Tại Bản án số: 55/2019/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Khoản 2 Điều 468; Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ D đối với bà Nguyễn Thị N về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Mỹ D số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng; tiền lãi là 5.208.000 đồng, tổng cộng là 60.208.000 (sáu mươi triệu hai trăm lẻ tám ngàn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N trả cho chị số tiền 155.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị D thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu bà N trả cho chị tiền hụi 155.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Người đại diện theo ủy quyền của chị D trình bày:

Chị H có vai trò là người giúp việc cho bà N; bà N ký nhận tiền hụi cho chị D giao, bà N không có chứng cứ chứng minh đã giao tiền hụi lại do chị H nên bà N phải chịu trách nhiệm đối với phần hụi này; Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà N chịu trách nhiệm phần hụi này là không thỏa đáng. Tại phiên tòa, chị D chỉ yêu cầu trả tiền hụi gốc, không yêu cầu tính lãi suất, tôn trọng ý kiến của nguyên đơn; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của chị D, buộc bà N trả cho chị D số tiền 155.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp hành đúng nội quy phiên tòa; bà N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị Mỹ D; căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị N trả cho chị Phạm Thị Mỹ D tiền hụi là 155.000.000 đồng. Ghi nhận chị D không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[**2]** Xét yêu cầu kháng cáo của chị D, yêu cầu bà N trả số tiền hụi 155.000.000 đồng, thấy rằng:

Chị D xác định bà N tham gia 06 phần hụi, hụi 10.000.000 đồng/tháng; bà N hốt 5 phần, chị giao tiền hụi cho bà N ký nhận 5 phần hụi, khi góp hụi chị và bà N trực tiếp thỏa thuận, bà N bảo lãnh cho chị H 01phần hụi, chị đã góp thay tiền hụi chết nên yêu cầu bà N phải trả lại. Bà N không thừa nhận phần hụi theo biên nhận giao tiền hụi ngày 30/10/2016 (âm lịch) số tiền 170.600.000 đồng (bút lục số 54) ghi tên người hốt Hạnh (Dì Nhung) là của bà góp mà cho rằng đây là phần hụi của chị H, bà chỉ ký và nhận tiền thay chị H nên chị H phải chịu trách nhiệm đóng tiền hụi chết cho chị D.

Tại biên nhận giao tiền hụi (bút lục số 54) thể hiện bà N là người ký nhận tiền hụi 170.600.000 đồng do chị D giao; bà N cho rằng nhận tiền hụi dùm (thay) chị H nhưng bà không có chứng cứ chứng minh đã giao tiền hốt hụi lại cho chị H, nên lời trình bày của bà phần hụi này của chị H là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần buộc bà N phải có trách nhiệm đóng tiền hụi chết phần hụi bà đã nhận là có cơ sở. Chị D đã góp thay tiền hụi chết, nên cần buộc bà N trả lại cho chị D số tiền cụ thể như sau:

Từ tháng 11-2017 đến 3-2018 (âm lịch): 4 lần x 10.000.000 đồng = 40.000.000 đồng;

Từ tháng 3-2018 đến mãn hụi 30-8-2018 (âm lịch): 6 lần x (5 phần x 10.000.000 đồng) = 300.000.000 đồng;

Tổng cộng: 340.000.000 đồng. Khấu trừ phần hụi sống hai bên thống nhất là 185.000.000 đồng còn lại là 155.000.000 đồng.

Bà N đã ký nhận 5 phần hụi, bà không có chứng cứ đã giao tiền hụi lại cho chị H, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà N chịu trách nhiệm 4 phần hụi chết là không phù hợp nên cần sửa bản án sơ thẩm, buộc bà N có trách nhiệm đóng hụi chết cả 5 phần hụi mà bà đã nhận tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay chị D không yêu cầu tính lãi suất nên ghi nhận.

[**3]** Đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của chị D là có cơ sở chấp nhận.

[**4]** Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[**5]** Từ những phân tích trên xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị Mỹ D, sửa bản án sơ thẩm buộc bà N có trách nhiệm trả cho chị D tiền hụi là 155.000.000 đồng. Ghi nhận chị D không yêu cầu tính lãi suất.

[**6]** Về án phí dân sự phúc thẩm: Tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định: "Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo thì đương sự kháng cáo liên quan đến phần bản án phải sửa không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm". Do sửa án sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo của chị D nên chị D không phải chịu án phí. Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, bà Nguyễn Thị N phải chịu 7.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Mỹ D.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2019/DS-ST ngày 20-9-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ D đối với bà Nguyễn Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Mỹ D số tiền nợ gốc là 155.000.000 (một trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Ghi nhận chị D không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Mỹ D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N không chịu thi hành số tiền trên thì hàng tháng bà N còn phải trả cho chị D số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Mỹ D không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị D tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.875.000 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số: 0006550 ngày 25-01-2019.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 7.750.000 đồng (bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Phạm Thị Mỹ D không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị D tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số: 0001837 ngày 07-10-2019.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TPT, tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS TPT, tỉnhTây Ninh;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Trương Thị Tuyền